

DANH SÁCH TỔNG HỢP NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN NHẬN CỔ TỨC BẰNG TIỀN

Kính gửi: Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) thông báo tới Công ty danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán nhận cổ tức bằng tiền như sau:

Tên chứng khoán: **Cổ phiếu Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4**
Mã chứng khoán: **DT4**
Mệnh giá: **10.000 đồng**

Ngày đăng ký cuối cùng: **15/03/2022**
Tỷ lệ thanh toán: **9%/cổ phiếu**
Ngày thanh toán: **29/04/2022**

STT	Họ Tên	Số ĐKSH	Ngày cấp	Địa chỉ liên hệ	Email	Điện thoại	Quốc tịch	Số lượng CK nắm giữ			Số tiền cổ tức trước thuế			Thuế thu nhập cá nhân			Số tiền cổ tức sau thuế			Ghi chú
								Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
I. TRONG NƯỚC																				
a. Cá nhân																				
1	Bùi Thị Xuân Hương	125189695	26/09/2011	101 Phố Hàng Mã, Khu 5 P. Tiên An, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		300	300		270.000	270.000		13.500	13.500		256.500	256.500	
2	Chu Thị Thập	125224424	21/04/2003	SN 41 - Tổ 6 - Khu phố Nguyễn Trãi - TP Bắc Ninh			Viet Nam		2.000	2.000		1.800.000	1.800.000		90.000	90.000		1.710.000	1.710.000	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
3	Dương Hải Thanh	036068004544	25/06/2018	17 ngách 379/34 Đội Cấn, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội			Viet Nam		701.700	701.700		631.530.000	631.530.000		31.576.500	31.576.500		599.953.500	599.953.500	Loại 2 CLK :0 - LK:5000
4	Dương Văn Mùi	122186794	07/07/2012	Quang Minh - Hiệp Hòa - Bắc Giang			Viet Nam		1.400	1.400		1.260.000	1.260.000		63.000	63.000		1.197.000	1.197.000	
5	Hoàng Mạnh Thắng	121470157	25/07/2015	Xã Cương Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang			Viet Nam		400	400		360.000	360.000		18.000	18.000		342.000	342.000	
6	Hoàng Thành Luân	125264581	25/04/2016	Vũ Dương, Xã Bồng Lai, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		700	700		630.000	630.000		31.500	31.500		598.500	598.500	
7	Hoàng Văn Diên	091044299	25/06/2003	Thôn Phương Hoàng, Xã Cẩm Hoàng, Huyện Cẩm Giàng, Thái Nguyên			Viet Nam		2.000	2.000		1.800.000	1.800.000		90.000	90.000		1.710.000	1.710.000	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
8	Hà Quang Hùng	125291936	14/10/2004	42 Nguyễn Trãi, Phường Ninh Xá, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		200	200		180.000	180.000		9.000	9.000		171.000	171.000	
9	Hà Văn Tiến	131003752	04/04/2012	Vân Du - Đoàn Hùng - Phú Thọ			Viet Nam		2.900	2.900		2.610.000	2.610.000		130.500	130.500		2.479.500	2.479.500	
10	Lê Sỹ Dương	125298716	21/05/2013	Yên Đình, Xã Phù Lương, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		200	200		180.000	180.000		9.000	9.000		171.000	171.000	
11	Lê Văn Nam	121232435	20/04/2012	SN 10 ngõ 509 đường Lê Lợi, TP Bắc Giang, Bắc Giang			Viet Nam		3.600	3.600		3.240.000	3.240.000		162.000	162.000		3.078.000	3.078.000	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
12	Lương Thị Quỳnh Vân	121588120	26/04/2013	Phố Gia Lâm, Thị Trấn Bồ Hạ, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang			Viet Nam		300	300		270.000	270.000		13.500	13.500		256.500	256.500	
13	Mai Quý Dương	125518481	15/07/2009	Tập thể đoàn quản lý đường sông - Phúc Sơn - Vũ Ninh - Bắc Ninh			Viet Nam		2.100	2.100		1.890.000	1.890.000		94.500	94.500		1.795.500	1.795.500	
14	Mai Xuân Trường	125076760	21/10/2015	Đào Viên - Quế Võ - Bắc Ninh			Viet Nam		600	600		540.000	540.000		27.000	27.000		513.000	513.000	
15	Nguyễn Bá Hiến	125023129	21/05/2013	Trạm QLĐT Đa Phúc, Thuận Thành, Phố Yên, Thái Nguyên			Viet Nam		900	900		810.000	810.000		40.500	40.500		769.500	769.500	
16	Nguyễn Công Doanh	125439720	20/08/2015	Khu tập thể đường sông, Phúc Sơn, phường Vũ Ninh, TP Bắc Ninh			Viet Nam		5.500	5.500		4.950.000	4.950.000		247.500	247.500		4.702.500	4.702.500	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
17	Nguyễn Công Đồng	125211443	16/05/2013	Xã Nam Sơn, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		700	700		630.000	630.000		31.500	31.500		598.500	598.500	
18	Nguyễn Hữu Dương	111342429	26/01/2010	Trạm QLĐT Nội Địa, Đa Phúc, Thuận Thành, Phố Yên, Thái Nguyên			Viet Nam		1.400	1.400		1.260.000	1.260.000		63.000	63.000		1.197.000	1.197.000	
19	Nguyễn Mạnh Cường	131349414	19/02/2008	Trạm QLĐT Nội Địa Đa Phúc, Thuận Thành, Phố Yên, Thái Nguyên			Viet Nam		1.700	1.700		1.530.000	1.530.000		76.500	76.500		1.453.500	1.453.500	



STT	Họ Tên	Số ĐKSH	Ngày cấp	Địa chỉ liên hệ	Email	Điện thoại	Quốc tịch	Số lượng CK nắm giữ			Số tiền cổ tức trước thuế			Thuế thu nhập cá nhân			Số tiền cổ tức sau thuế			Ghi chú
								Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
20	Nguyễn Ngọc Thế	121610586	09/03/2010	Số 88 Tô 2 Phố Tiên Môn, Phường Lê Lợi, TP Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang			Viet Nam		1.800	1.800		1.620.000	1.620.000		81.000	81.000		1.539.000	1.539.000	
21	Nguyễn Ngọc Trung	125210336	24/02/2003	Số 610 đường Thiên Đức - Phường Kinh Bắc - TP Bắc Ninh			Viet Nam		300	300		270.000	270.000		13.500	13.500		256.500	256.500	
22	Nguyễn Phi Trường	125008914	10/06/2010	CTCP Quản lý đường thủy nội địa số 4 - Đường Huyện Quang - P Đại			Viet Nam		60.700	60.700		54.630.000	54.630.000		2.731.500	2.731.500		51.898.500	51.898.500	Loại 2 CLK :0 - LK:5000
23	Nguyễn Thanh Bình	113263285	03/03/2004	Trạm QLĐT Nội Địa Đa Phúc, Thuận Thành, Phố Yên, Thái Nguyên			Viet Nam		300	300		270.000	270.000		13.500	13.500		256.500	256.500	
24	Nguyễn Thanh Tùng	027086016515	30/08/2021	Xã Mỏn Tự, Huyện Nam Sơn, TP Bắc Ninh			Viet Nam		600	600		540.000	540.000		27.000	27.000		513.000	513.000	
25	Nguyễn Thị Hằng	125033067	26/10/2009	SN 66 Đường Âu Cơ YNa, Kinh Bắc, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.100	1.100		990.000	990.000		49.500	49.500		940.500	940.500	
26	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	125157294	05/04/2016	Phường Đình Bảng, Thị Xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		2.000	2.000		1.800.000	1.800.000		90.000	90.000		1.710.000	1.710.000	
27	Nguyễn Thị Lan Anh	125111196	18/09/2006	Xã Ngọc Nội, Phường Trạm Lộ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		800	800		720.000	720.000		36.000	36.000		684.000	684.000	
28	Nguyễn Thị Thúy	125197132	09/08/2002	Khu Tập thể Đường Sông, Khu Phúc Sơn, Phường Vũ Ninh, TP Bắc Ninh			Viet Nam		800	800		720.000	720.000		36.000	36.000		684.000	684.000	
29	Nguyễn Tuấn Khải	121629969	13/09/2011	Số 111 - Phố Cà Trong - TT Cầu Gò - Yên Thế - Bắc Giang			Viet Nam		200	200		180.000	180.000		9.000	9.000		171.000	171.000	
30	Nguyễn Văn Công	125382033	22/11/2006	Khu I Thị Trấn Phố Mới, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		2.800	2.800		2.520.000	2.520.000		126.000	126.000		2.394.000	2.394.000	
31	Nguyễn Văn Da	125649262	28/09/2011	TT Đường sông - TP Vũ Ninh - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		2.600	2.600		2.340.000	2.340.000		117.000	117.000		2.223.000	2.223.000	
32	Nguyễn Văn Hiền	125214591	18/02/2003	Xã Cách Bi Huyện Quế Võ Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.600	1.600		1.440.000	1.440.000		72.000	72.000		1.368.000	1.368.000	
33	Nguyễn Văn Hải	125102507	07/04/2016	Thị Trấn Phố Mới - Huyện Quế Võ - Bắc Ninh			Viet Nam		3.800	3.800		3.420.000	3.420.000		171.000	171.000		3.249.000	3.249.000	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
34	Nguyễn Văn Khải	125685788	25/04/2012	Quê Ó, Xã Chi Lăng, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		3.500	3.500		3.150.000	3.150.000		157.500	157.500		2.992.500	2.992.500	
35	Nguyễn Văn Lộc	132096225	27/06/2009	Khu 4 Xã Vĩnh Lại, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ			Viet Nam		1.800	1.800		1.620.000	1.620.000		81.000	81.000		1.539.000	1.539.000	
36	Nguyễn Văn Ngọc	125347092	15/05/2013	Thôn Hữu Bằng, Xã Ngọc Xá, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		400	400		360.000	360.000		18.000	18.000		342.000	342.000	
37	Nguyễn Văn Sơn	125685963	26/04/2012	Xã Kim Châu, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh			Viet Nam		1.500	1.500		1.350.000	1.350.000		67.500	67.500		1.282.500	1.282.500	
38	Nguyễn Văn Thuận	121335782	24/04/2012	Số 3 Á Lữ, Trần Phú, Bắc Giang			Viet Nam		1.500	1.500		1.350.000	1.350.000		67.500	67.500		1.282.500	1.282.500	
39	Nguyễn Văn Thống	125556691	11/03/2010	138 khi 1 Thị trấn Phố Mới - Quế Võ - Bắc Ninh			Viet Nam		3.800	3.800		3.420.000	3.420.000		171.000	171.000		3.249.000	3.249.000	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
40	Nguyễn Văn Toàn	125625597	29/10/2013	Ngọc Xá - Quế Võ - Bắc Ninh			Viet Nam		1.100	1.100		990.000	990.000		49.500	49.500		940.500	940.500	
41	Nguyễn Văn Tài	125368722	16/08/2006	Số nhà 26, Ngõ Lừa Hồng, Phường Tiên An, TP Bắc Ninh			Viet Nam		200	200		180.000	180.000		9.000	9.000		171.000	171.000	
42	Nguyễn Văn Tăng	125686319	03/05/2012	CTCP Quản lý Bảo trì ĐTNĐ số 4 - đường Huyện Quang - P Đại Phúc - Bắ			Viet Nam		43.900	43.900		39.510.000	39.510.000		1.975.500	1.975.500		37.534.500	37.534.500	Loại 2 CLK :0 - LK:5000
43	Nguyễn Văn Vịnh	125005184	27/04/2012	Thôn Tiêu Xá, Xã Giang Sơn, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.200	1.200		1.080.000	1.080.000		54.000	54.000		1.026.000	1.026.000	
44	Nguyễn Xuân Bình	131067591	25/04/2012	Trạm QLĐT nội địa Đa Phúc, Thuận Thành, Phố Yên, Thái Nguyên			Viet Nam		1.400	1.400		1.260.000	1.260.000		63.000	63.000		1.197.000	1.197.000	
45	Nguyễn Xuân Công	125015657	29/04/2014	Thôn Cách Bi xã Cách Bi huyện Quế Võ tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		700	700		630.000	630.000		31.500	31.500		598.500	598.500	
46	Nguyễn Xuân Nam	125359696	10/05/2006	Thôn Phùng Di, Xã Ngọc Xá, Quế Võ, Bắc Ninh			Viet Nam		4.100	4.100		3.690.000	3.690.000		184.500	184.500		3.505.500	3.505.500	Loại 2 CLK :0 - LK:1600
47	Nguyễn Xuân Trường	121192688	15/07/2005	Số nhà 4 - Ngõ 60 - Đường Tiên Giang - Phường Lê Lợi - TP Bắc Giang			Viet Nam		4.700	4.700		4.230.000	4.230.000		211.500	211.500		4.018.500	4.018.500	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
48	Nguyễn Đình Cường	125231713	26/04/2012	Thôn Đông, Xã Đào Viên, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		3.200	3.200		2.880.000	2.880.000		144.000	144.000		2.736.000	2.736.000	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
49	Nguyễn Đức Hùng	125520302	16/07/2009	Ngõ 52 Đường Nhánh I, Phố Hồ, Thị Trấn Hồ, Thuận Thành, Bắc Ninh			Viet Nam		4.000	4.000		3.600.000	3.600.000		180.000	180.000		3.420.000	3.420.000	Loại 2 CLK :0 - LK:1800
50	Nguyễn Đức Thanh	125094080	29/06/2010	Chi Lăng, Quế Võ, Bắc Ninh	thanh10111981(at)gmail.com	0978397009	Viet Nam		1.100	1.100		990.000	990.000		49.500	49.500		940.500	940.500	
51	Nguyễn Đức Tuấn	125211453	15/05/2013	Xã Cách Bi huyện Quế Võ tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		600	600		540.000	540.000		27.000	27.000		513.000	513.000	

STT	Họ Tên	Số ĐKSH	Ngày cấp	Địa chỉ liên hệ	Email	Điện thoại	Quốc tịch	Số lượng CK nắm giữ			Số tiền cổ tức trước thuế			Thuế thu nhập cá nhân			Số tiền cổ tức sau thuế			Ghi chú
								Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
52	Ngô Minh Sơn	125299775	04/01/2005	Chi Đông, Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh			Viet Nam		1.800	1.800		1.620.000	1.620.000		81.000	81.000		1.539.000	1.539.000	
53	Ngô Xuân Quang	125480283	20/11/2008	SN 2, Ngõ 20 Đường Rạp Hát, P.Vệ An, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		5.000	5.000		4.500.000	4.500.000		225.000	225.000		4.275.000	4.275.000	Loại 2 CLK :0 - LK:5000
54	Phan Bích Dũng	125169703	08/08/2006	Xã Bồng Lai - Huyện Quế Võ - Bắc Ninh			Viet Nam		600	600		540.000	540.000		27.000	27.000		513.000	513.000	
55	Phan Hoàng Hậu	080397111	18/03/2013	Vĩnh Quang, TP Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng			Viet Nam		1.700	1.700		1.530.000	1.530.000		76.500	76.500		1.453.500	1.453.500	
56	PHAN VĂN HIẾU	125126007	27/06/2012	Thôn Vũ Dương, Xã Bồng Lai, Huyện Quế Võ, Bắc Ninh			Viet Nam		3.000	3.000		2.700.000	2.700.000		135.000	135.000		2.565.000	2.565.000	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
57	Phan Xuân Hùng	125214702	09/05/2013	Thôn Mai Cương, Xã Cách Bi, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.500	1.500		1.350.000	1.350.000		67.500	67.500		1.282.500	1.282.500	
58	Phùng Thị Hoan	125031030	07/03/2008	Đào Viên, Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		100	100		90.000	90.000		4.500	4.500		85.500	85.500	
59	Phạm Hồng Minh	125043047	04/06/2012	Xã Lai Hạ, Huyện Lương Tài, Bắc Ninh			Viet Nam		77.500	77.500		69.750.000	69.750.000		3.487.500	3.487.500		66.262.500	66.262.500	Loại 2 CLK :0 - LK:5000
60	Phạm Thị Sen	125143204	30/03/2016	Phường Đại Phúc, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.800	1.800		1.620.000	1.620.000		81.000	81.000		1.539.000	1.539.000	Loại 2 CLK :0 - LK:1800
61	Phạm Trung Thành	121216934	30/11/2012	Xã Mỹ Hà, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang			Viet Nam		1.400	1.400		1.260.000	1.260.000		63.000	63.000		1.197.000	1.197.000	
62	Phạm Văn Hanh	121375526	12/06/2010	Đường 85, phường Kinh Bắc - TP Bắc Ninh			Viet Nam		28.000	28.000		25.200.000	25.200.000		1.260.000	1.260.000		23.940.000	23.940.000	Loại 2 CLK :0 - LK:5000
63	Phạm Văn Đán	125570529	11/05/2010	Xóm 1 Lai Hạ, Lương Tài, Bắc Ninh			Viet Nam		3.500	3.500		3.150.000	3.150.000		157.500	157.500		2.992.500	2.992.500	
64	Phạm Xuân Dũng	125089558	24/04/2012	Khu II, Thị Trấn Phố Mới, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		600	600		540.000	540.000		27.000	27.000		513.000	513.000	
65	Phạm Đức Khánh	125084105	27/03/2013	LH, Xã Lai Hạ, Huyện Lương Tài, TP Bắc Ninh			Viet Nam		2.000	2.000		1.800.000	1.800.000		90.000	90.000		1.710.000	1.710.000	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
66	Thân Văn Côn	122162484	20/04/2012	Xã Tăng Tiến, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang			Viet Nam		3.700	3.700		3.330.000	3.330.000		166.500	166.500		3.163.500	3.163.500	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
67	Trương Quốc Dũng	091772156	30/04/2012	Trạm QLĐT Nội Địa Đa Phúc, Xã Thuận Thành, Huyện Phố Yên, Thái Nguyên			Viet Nam		3.500	3.500		3.150.000	3.150.000		157.500	157.500		2.992.500	2.992.500	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
68	Trương Văn Trường	125515537	29/06/2009	Đào Viên, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.100	1.100		990.000	990.000		49.500	49.500		940.500	940.500	
69	Trần Anh Đức	121928920	04/05/2012	Thôn Hối, Xã Phồn Xương, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang			Viet Nam		400	400		360.000	360.000		18.000	18.000		342.000	342.000	
70	Trần Danh Hoàng	125530216	05/09/2009	Bảo Ngọc, Xã Thái Bảo, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		7.300	7.300		6.570.000	6.570.000		328.500	328.500		6.241.500	6.241.500	Loại 2 CLK :0 - LK:4500
71	Trần Danh Hùng	125052880	20/05/2013	Số nhà 16 Phố Vũ, Phường Đại Phúc, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		900	900		810.000	810.000		40.500	40.500		769.500	769.500	
72	Trần Hữu Nhất	125217916	27/08/2008	Xã Mộ Đạo, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.000	1.000		900.000	900.000		45.000	45.000		855.000	855.000	
73	Trần Như Nam	125094032	26/04/2012	Xã Bồng Lai - Huyện Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.100	1.100		990.000	990.000		49.500	49.500		940.500	940.500	
74	Trần Quốc Tuấn	121600869	24/03/2003	Cty CP Quản lý Bảo trì ĐTNĐ Số 4 Đường Huyền Quang, P. Đại Phúc, TP B			Viet Nam		2.800	2.800		2.520.000	2.520.000		126.000	126.000		2.394.000	2.394.000	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
75	Trần Thị Kiều	145197035	08/09/2010	Số 168 Đường Thiên Đức, Phường Vệ An, TP Bắc Ninh			Viet Nam		300	300		270.000	270.000		13.500	13.500		256.500	256.500	
76	Trần Thị Thoan	162200889	04/08/2008	Số 3 Đường Võ Cường 21, Khu Hòa Đình, Phường Võ Cường, TP Bắc Ninh			Viet Nam		3.000	3.000		2.700.000	2.700.000		135.000	135.000		2.565.000	2.565.000	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
77	Trần Văn Cường	125314470	12/04/2005	Thôn Xuân Bình - Xã Đại Xuân - Huyện Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		800	800		720.000	720.000		36.000	36.000		684.000	684.000	
78	Trần Văn Thuật	163184722	20/08/2009	Bái Hạ, Nghĩa An, Nghĩa Trục, Nam Định			Viet Nam		100	100		90.000	90.000		4.500	4.500		85.500	85.500	
79	Trần Văn Trường	162573589	21/08/2012	Nghĩa An, Nam Trục, Nam Định			Viet Nam		1.600	1.600		1.440.000	1.440.000		72.000	72.000		1.368.000	1.368.000	
80	Trần Văn Ôn	125197402	03/05/2018	Khu 2, Đại Phúc, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh			Viet Nam		44.700	44.700		40.230.000	40.230.000		2.011.500	2.011.500		38.218.500	38.218.500	Loại 2 CLK :0 - LK:5000
81	Trần Đức Nghĩa	125034468	21/05/2013	Trác Ó, Xã Mộ Đạo, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		3.000	3.000		2.700.000	2.700.000		135.000	135.000		2.565.000	2.565.000	Loại 2 CLK :0 - LK:2000

STT	Họ Tên	Số ĐKSH	Ngày cấp	Địa chỉ liên hệ	Email	Điện thoại	Quốc tịch	Số lượng CK nắm giữ			Số tiền cổ tức trước thuế			Thuế thu nhập cá nhân			Số tiền cổ tức sau thuế			Ghi chú
								Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
82	Trần Đức Thụy	125558274	20/04/2010	Số 29 ngõ 4 - Phố Hoàng Quốc Việt - P. Đông Ngàn - TX Từ Sơn - Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		7.300	7.300		6.570.000	6.570.000		328.500	328.500		6.241.500	6.241.500	Loại 2 CLK : 0 - LK: 5000
83	Trịnh Văn Mạn	125366939	18/07/2006	Đại Xuân, Quế Võ, Bắc Ninh			Viet Nam		3.500	3.500		3.150.000	3.150.000		157.500	157.500		2.992.500	2.992.500	
84	Trịnh Đình Kiêm	125583666	10/06/2010	Số 35 Phố Vũ Tuyền Hoàng, Thị Trấn Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		40.100	40.100		36.090.000	36.090.000		1.804.500	1.804.500		34.285.500	34.285.500	Loại 2 CLK : 0 - LK: 5000
85	Trịnh Đình Sớm	125039410	30/05/2013	Lập Ái, Xã Song Giang, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		400	400		360.000	360.000		18.000	18.000		342.000	342.000	
86	Tô Vũ Tuấn	080371571	08/04/2016	Phường Tân Giang, TP Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng			Viet Nam		1.400	1.400		1.260.000	1.260.000		63.000	63.000		1.197.000	1.197.000	
87	Vũ Như Lập	125362499	06/07/2006	Số 10 ngõ 2 Phố Vũ, Đại Phúc, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		4.400	4.400		3.960.000	3.960.000		198.000	198.000		3.762.000	3.762.000	Loại 2 CLK : 0 - LK: 2000
88	Vũ Thế Thương	125498895	25/03/2009	Mai Cương, Cách Bi, Quế Võ, Bắc Ninh			Viet Nam		6.200	6.200		5.580.000	5.580.000		279.000	279.000		5.301.000	5.301.000	Loại 2 CLK : 0 - LK: 4000
89	Vũ Việt Hùng	125500109	16/04/2009	Xã Trạm Lộ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.700	1.700		1.530.000	1.530.000		76.500	76.500		1.453.500	1.453.500	
90	Vũ Xuân Trường	125685219	19/04/2012	Đường Đào Tấn - Khu Bồ Sơn - Phường Võ Cường - TP Bắc Ninh			Viet Nam		1.200	1.200		1.080.000	1.080.000		54.000	54.000		1.026.000	1.026.000	
91	Đỗ Hữu Hiền	125099338	23/05/2013	Khu Vạn Phúc, Đường Vạn An, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.100	1.100		990.000	990.000		49.500	49.500		940.500	940.500	
92	Đỗ Thị Kim Tuyền	125555366	19/01/2010	CTCP Quản lý Bảo trì ĐTNĐ số 4 - đường Huyền Quang - P Đại Phúc - Bắc			Viet Nam		2.200	2.200		1.980.000	1.980.000		99.000	99.000		1.881.000	1.881.000	
Cộng Cá nhân									1.160.000	1.160.000		1.044.000.000	1.044.000.000		52.200.000	52.200.000		991.800.000	991.800.000	
CỘNG TRONG NƯỚC									1.160.000	1.160.000		1.044.000.000	1.044.000.000		52.200.000	52.200.000		991.800.000	991.800.000	
Tổng cộng									1.160.000	1.160.000		1.044.000.000	1.044.000.000		52.200.000	52.200.000		991.800.000	991.800.000	

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2022

Người lập

Nguyễn Thị Phương

Trưởng phòng Đăng ký chứng khoán

Võ Thanh Tuấn

KT. Tổng giám đốc

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hà